

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2018/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định nội dung và định mức hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2018-2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;**Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;**Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;**Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND, ngày 30/8/2016 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 72/TTr - SNNNT, ngày 04 tháng 6 năm 2018; Công văn số 1931/SNN-PTNT, ngày 24/7/2018.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung và định mức hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các Sở, ngành liên quan tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị; các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2018./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quy định nội dung và định mức hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2018-2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19/2018/QĐ-UBND, ngày 7 tháng 8 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định nội dung và định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách tỉnh nhằm khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND, ngày 30/8/2016 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND).

2. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND và các chính sách hiện hành của Nhà nước.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Quy định được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây gọi chung là Hợp tác xã nông nghiệp).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và quản lý hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

1. Hỗ trợ phải theo kế hoạch, dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ hàng năm và thực hiện hỗ trợ sau đầu tư (sau khi các Hợp tác xã thực hiện đầu tư) cho các đối tượng quy định tại Điều 2, Quy định này.

2. Một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

3. Hợp tác xã nông nghiệp thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và có lãi trong thời gian tối thiểu là 01 năm liền kề trước năm đề nghị hỗ trợ, trong đó ưu tiên cho Hợp tác xã có quy mô lớn về thành viên, Hợp tác xã đứng chân trên địa bàn các xã thuộc khu vực III của tỉnh.

Chương II

NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ bổ sung vốn lưu động

Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã nông nghiệp. Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/01 Hợp tác xã và chỉ được hỗ trợ 01 lần.

Điều 5. Hỗ trợ HTX nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc

Hợp tác xã nông nghiệp có nhu cầu sử dụng đất để xây dựng trụ sở, nếu địa phương không còn quỹ đất công để giao cho hợp tác xã theo quy định thì ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí để các Hợp tác xã tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất xây dựng trụ sở. Mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/HTX và chỉ được hỗ trợ một lần nhận chuyển nhượng.

Điều 6. Hỗ trợ thiết bị văn phòng và máy móc phục vụ sản xuất

Hợp tác xã đầu tư mua sắm thiết bị văn phòng làm việc (bao gồm: bàn ghế, tủ hồ sơ, máy vi tính) và máy móc phục vụ sản xuất được ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí mua nhưng tối đa 50 triệu đồng/Hợp tác xã và chỉ được hỗ trợ một lần mua.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Tổng kinh phí: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

Kinh phí hỗ trợ hàng năm, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất UBND tỉnh giao bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện hỗ trợ cho Hợp tác xã.

2. Nguồn kinh phí: bố trí từ ngân sách tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk thông qua tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 30/8/2016.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên minh hợp tác xã tỉnh và các đơn vị có liên quan: hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các Hợp tác xã thực hiện có hiệu quả Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu xây dựng Kế hoạch hỗ trợ hàng năm cho các Hợp tác xã đảm bảo đúng đối tượng trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn hồ sơ, thủ tục hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện các nội dung hỗ trợ cho các Hợp tác xã nông nghiệp.

b) Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng.

3. Liên minh hợp tác xã tỉnh:

Tham gia cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tư vấn, hướng dẫn các Hợp tác xã về hồ sơ, thủ tục hỗ trợ theo quy định.

4. Hội Nông dân tỉnh:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, tư vấn, hướng dẫn các Hợp tác xã về hồ sơ, thủ tục để thụ hưởng chính sách theo Quy định này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ công khai đến các Hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn biết và thực hiện theo Quy định này.

b) Kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các phòng ban chức năng và UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy định này, thúc đẩy phát triển Hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển.

c) Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị